

Số: /2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO

NGHỊ ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Đoàn thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 97/2025/QH15;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 80/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ;

Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ về tổ chức, hoạt động và quản lý hội

1. Sửa đổi Điều 8 như sau:

“Điều 8. Cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ cho hội

1. Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ và cấp có thẩm quyền ở Trung ương giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh.

2. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cấp có thẩm quyền ở tỉnh giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã.

3. Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và cấp có thẩm quyền ở xã giao nhiệm vụ đối với hội hoạt động trong phạm vi xã”.

2. Sửa đổi khoản 1, khoản 4 Điều 9 như sau:

a) Sửa đổi khoản 1 như sau:

“1. Cơ sở dữ liệu về hội được kết nối với cổng dịch vụ công quốc gia và Cổng dịch vụ công của Bộ Nội vụ; cơ sở dữ liệu quốc gia khác (nếu có), cơ sở dữ liệu của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân

dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã để hỗ trợ giải quyết các thủ tục về hội và quản lý tổ chức, hoạt động của hội”.

b) Sửa đổi khoản 4 như sau:

“4. Quản lý, khai thác, cung cấp thông tin cơ sở dữ liệu về hội:

a) Bộ Nội vụ chủ trì xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu về hội; ban hành quy chế quản lý, khai thác, vận hành cơ sở dữ liệu về hội và hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính bằng hình thức trực tuyến sau khi cơ sở dữ liệu về hội được xây dựng và vận hành; Bộ Nội vụ cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về hội cho các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và hội có phạm vi hoạt động toàn quốc hoặc liên tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về hội cho Ủy ban nhân dân cấp xã và hội hoạt động trong phạm vi tỉnh truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã cấp mã số và tài khoản truy cập Cơ sở dữ liệu về hội cho hội hoạt động trong phạm vi xã truy cập, khai thác cơ sở dữ liệu về hội theo quy định;

d) Bộ Nội vụ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp xã và hội có trách nhiệm thường xuyên cập nhật, bổ sung, xác minh thông tin trong cơ sở dữ liệu về hội theo thẩm quyền và quy định pháp luật”.

3. Sửa đổi điểm b, điểm c và điểm đ khoản 6 Điều 10 như sau:

a) Sửa đổi điểm b khoản 6 như sau:

“b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 60 tổ chức, công dân tại hai đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội”.

b) Sửa đổi điểm c khoản 6 như sau:

“c) Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 20 tổ chức, công dân tại đơn vị hành chính cấp xã có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hội”.

c) Sửa đổi điểm đ khoản 6 như sau:

“đ) Hiệp hội của các tổ chức kinh tế hoạt động trong phạm vi toàn quốc có hội viên là đại diện các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân của Việt Nam, có ít nhất 11 đại diện pháp nhân ở nhiều tỉnh; hiệp hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 đại diện pháp nhân trong tỉnh cùng ngành nghề hoặc cùng lĩnh vực hoạt động có đủ điều kiện, tự nguyện, có đơn đăng ký tham gia thành lập hiệp hội.

Trường hợp hội hoạt động trong lĩnh vực chuyên môn, nghề nghiệp sâu, có phạm vi hoạt động hẹp, không đủ số lượng tổ chức, công dân Việt Nam tham gia thành lập hội theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản này, nhưng việc thành lập hội là cần thiết để phục vụ yêu cầu cấp bách về phát triển kinh tế xã hội hoặc phù

hợp với điều lệ, thông lệ, quy chế của tổ chức quốc tế chuyên ngành mà Việt Nam là thành viên thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 15 Nghị định này xem xét, quyết định việc thành lập hội. Số lượng tổ chức, công dân Việt Nam đăng ký tham gia thành lập hội trong trường hợp này phải có trên một phần hai số lượng theo quy định tại điểm a và điểm b Khoản này”.

4. Sửa đổi khoản 5 và bổ sung điểm c khoản 7 Điều 11 như sau:

a) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Số thành viên ban vận động thành lập hội được quy định như sau:

a) Hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh có ít nhất 10 thành viên đảm bảo tính đại diện cho các vùng, miền;

b) Hội hoạt động trong phạm vi tỉnh có ít nhất 05 thành viên tại hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên;

c) Hội hoạt động trong phạm vi xã có ít nhất 03 thành viên”.

b) Bổ sung điểm c khoản 7 như sau:

“c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của thông tin, tài liệu cung cấp trong hồ sơ đề nghị thành lập hội; Trưởng ban vận động chịu trách nhiệm chung, thành viên Ban vận động chịu trách nhiệm đối với thông tin, tài liệu do mình cung cấp theo hồ sơ thành lập hội theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định này”.

5. Sửa đổi điểm c khoản 2 Điều 12 như sau:

“c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận ban vận động thành lập hội hoạt động trong phạm vi xã”.

6. Sửa đổi Điều 15 như sau:

“Điều 15. Thẩm quyền giải quyết các thủ tục về hội

1. Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều lệ đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc tại Phụ lục I kèm theo.

2. Bộ trưởng Bộ Nội vụ cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh, trừ trường hợp luật, pháp lệnh có quy định khác về thành lập, phê duyệt điều lệ hội và trừ thẩm quyền phê duyệt điều lệ các hội được quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội, cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi tỉnh.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền công nhận ban vận động thành lập hội, cho phép thành lập, đại hội, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể, đổi tên, phê duyệt điều lệ; đình chỉ hoạt động có thời hạn, cho phép hoạt động trở lại đối với hội hoạt động trong phạm vi xã”.

7. Sửa đổi điểm c; bổ sung khoản d khoản 4 Điều 19 như sau:

a) Sửa đổi điểm c khoản 4 như sau:

“c) Hết thời gian gia hạn hội không tổ chức đại hội thì cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này xử lý vi phạm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 30 Nghị định này; trừ trường hợp có lý do bất khả kháng nhưng tối đa không quá 24 tháng kể từ ngày hết thời hạn nhiệm kỳ đại hội”.

b) Bổ sung điểm d khoản 4 như sau:

“d) Đối với các hội đang trong quá trình xem xét, xử lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì việc cho phép tổ chức đại hội phải chờ kết quả giải quyết của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời gian này không tính vào thời gian gia hạn tổ chức đại hội theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều này”.

8. Sửa đổi điểm d và điểm đ khoản 2 Điều 20 như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“d) Thông qua việc đổi tên hội (nếu có); thông qua việc sửa đổi, bổ sung điều lệ hoặc tiếp tục sử dụng điều lệ hiện hành”;

b) Sửa đổi điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Thông qua việc chia, tách; sáp nhập, hợp nhất (nếu có)”.

9. Sửa đổi một nội dung trong tiêu chuẩn tại điểm a và sửa điểm d khoản 7 Điều 22 như sau:

a) Sửa đổi một nội dung trong tiêu chuẩn tại điểm a khoản 7 như sau:

“Có quốc tịch Việt Nam; trường hợp đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định”.

b) Sửa điểm d khoản 7 như sau:

“d) Trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn của chủ tịch hội do điều lệ hội quy định phù hợp với quy định của pháp luật.

Chủ tịch hội có trách nhiệm triệu tập và chủ trì các cuộc họp của ban chấp hành, ban thường vụ theo quy định của điều lệ hội.

Trường hợp có văn bản đề nghị triệu tập họp của số lượng thành viên ban chấp hành hoặc ban thường vụ theo quy định của điều lệ hội mà sau 03 (ba) lần liên tiếp đề nghị, chủ tịch hội không triệu tập cuộc họp thì phó chủ tịch thường trực hoặc một phó chủ tịch do ban thường vụ thống nhất phân công thực hiện việc triệu tập và chủ trì cuộc họp. Trường hợp hội không có phó chủ tịch thường

trực hoặc phó chủ tịch được phân công không thực hiện việc triệu tập cuộc họp thì ban thường vụ thống nhất cử một thành viên thực hiện việc triệu tập và chủ trì cuộc họp. Cuộc họp được triệu tập và chủ trì theo quy định tại Điều này có giá trị pháp lý như cuộc họp do chủ tịch hội triệu tập và chủ trì”.

10. Bổ sung khoản 3a và sửa đổi khoản 9 Điều 24 như sau:

a) Bổ sung khoản 3a như sau:

“Không thực hiện hoạt động nhận tiền gửi, cho vay”.

b) Sửa đổi khoản 9 như sau:

“9. Báo cáo hồ sơ tổ chức đại hội theo quy định tại khoản 7 Điều 19; hồ sơ báo cáo kết quả đại hội theo quy định tại khoản 1 Điều 21 Nghị định này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, hợp pháp của thông tin, tài liệu cung cấp trong hồ sơ”.

11. Bổ sung điểm i, điểm k, điểm l khoản 1 Điều 30 như sau:

a) Bổ sung điểm i khoản 1 như sau:

“i) Hội không đủ số lượng hội viên theo quy định tại khoản 6 Điều 10 Nghị định này đến thời điểm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về việc tổ chức đại hội nhiệm kỳ”.

b) Bổ sung điểm k khoản 1 như sau:

“k) Không tổ chức họp ban chấp hành theo quy định tại điều lệ 03 kỳ liên tiếp”.

c) Bổ sung điểm l khoản 1 như sau:

“l) Quá 12 tháng kể từ ngày tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ mà hội không ban hành đầy đủ các quy chế theo khoản 18 Điều 24 Nghị định này”.

12. Sửa đổi Điều 37 như sau:

“Điều 37. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ

1. Việc xác định hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

2. Việc xác định hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi tỉnh, xã do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan liên quan trình cấp có thẩm quyền ở tỉnh xem xét, quyết định.

3. Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thực hiện các quy định chung tại Nghị định này; quy định riêng tại Chương VI này và chịu sự hướng dẫn, điều phối thống nhất của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

13. Sửa đổi điểm d, điểm đ, điểm e, điểm g, điểm h và bổ sung điểm i khoản 2 Điều 38 như sau:

a) Sửa đổi điểm d khoản 2 như sau:

“d) Định kỳ 06 tháng, 01 năm và khi có yêu cầu gửi báo cáo tình hình tổ chức và hoạt động đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cấp có thẩm quyền theo quy định, cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động;

b) Sửa đổi điểm đ khoản 2 như sau:

“đ) Xin ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp về chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm và đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường; mời đại diện cấp cơ quan liên quan dự họp ban chấp hành, ban thường vụ”.

c) Sửa đổi điểm e khoản 2 như sau:

“e) Việc đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, đình chỉ có thời hạn và giải thể hội theo quy định tại Chương V Nghị định này phải được sự đồng ý chủ trương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

d) Sửa đổi điểm g khoản 2 như sau:

“g) Việc thay đổi trụ sở, mở văn phòng đại diện, thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc hội phải bảo đảm đúng quy định pháp luật và thông báo bằng văn bản đến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 Nghị định này và cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực chính mà hội hoạt động tương ứng với phạm vi hoạt động của hội”.

đ) Sửa đổi điểm h khoản 2 như sau:

“h) Xây dựng chương trình, kế hoạch hàng năm, trong đó phải xác định rõ chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ xin ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trước ngày 30 tháng 6”.

e) Bổ sung điểm i khoản 2 như sau:

“i) Chịu sự hướng dẫn và kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách, công tác cán bộ; quản lý tài chính, tài sản, đầu tư của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam theo quy định của pháp luật. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam giải quyết tranh chấp, đơn, thư phản ánh, kiến nghị khiếu nại, tố cáo liên quan đến hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ theo quy định của pháp luật”.

14. Sửa đổi điểm e khoản 1 và khoản 2 Điều 39 như sau:

a) Sửa đổi điểm e khoản 1 như sau:

“e) Hội lập dự toán kinh phí ngân sách trung ương hỗ trợ theo điểm a, điểm b, điểm c, điểm đ khoản này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước xin ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi gửi Bộ Tài chính”.

b) Sửa đổi khoản 2 như sau:

“a) Đối với nhiệm vụ trong chương trình, kế hoạch hoạt động hàng năm của hội đã có ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong đó xác định rõ nhiệm vụ

được ngân sách nhà nước hỗ trợ (chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ), hội lập dự toán gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

b) Đối với nhiệm vụ do cấp có thẩm quyền giao cho hội nhưng chưa có trong chương trình, kế hoạch hoạt động hằng năm, trường hợp cấp có thẩm quyền đã giao chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ, hội lập dự toán kinh phí xin ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trước khi gửi Bộ Tài chính. Trường hợp nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền giao chưa chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ, hội xây dựng đề án hoặc kế hoạch triển khai (trong đó nêu chi tiết số lượng, khối lượng nhiệm vụ phần ngân sách nhà nước hỗ trợ) gửi lấy ý kiến cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực hoạt động chính, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan đến nhiệm vụ được giao (thời hạn trả lời không quá 15 ngày làm việc). Sau khi có ý kiến của các cơ quan, hội tiếp thu, hoàn thiện trình Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét.

Căn cứ ý kiến của cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, hội lập dự toán gửi Bộ Tài chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan”.

15. Sửa đổi khoản 4 Điều 40 như sau:

“4. Đối với người giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách hội được hưởng chế độ thù lao, mức thù lao hàng tháng được quy định như sau:

a) Đối với hội hoạt động phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh: Chủ tịch không quá 6,5 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch chuyên trách không quá 5,5 lần so với mức lương cơ sở;

b) Đối với hội hoạt động phạm vi tỉnh: thành phố Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thì Chủ tịch không quá 5,4 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 4,4 lần so với mức lương cơ sở. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương còn lại thì Chủ tịch không quá 5,0 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 4,0 lần so với mức lương cơ sở;

c) Đối với hội hoạt động phạm vi xã: Chủ tịch không quá 1,5 lần so với mức lương cơ sở; Phó Chủ tịch không quá 1,0 lần so với mức lương cơ sở”.

16. Sửa đổi khoản 4 Điều 42 như sau:

“4. Số lượng phó chủ tịch chuyên trách hội được quy định như sau:

a) Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc được bầu không quá 03 phó chủ tịch chuyên trách;

b) Theo yêu cầu hoạt động, có thể bố trí một số phó chủ tịch không chuyên trách, số lượng do hội trình Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xem xét, quyết định”.

17. Bổ sung khoản 1a và sửa đổi khoản 3 Điều 43 như sau:

a) Bổ sung khoản 1a như sau:

“1a) Bộ Nội vụ giúp Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về hội hoạt động trong phạm vi toàn quốc hoặc liên tỉnh”.

b) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Trình Thủ tướng Chính phủ xem xét phê duyệt điều lệ đối với hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc tại Phụ lục I kèm theo Nghị định này. Thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này. Lấy ý kiến bằng văn bản các bộ, ngành có liên quan đến hoạt động của hội khi giải quyết các thủ tục về hội thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Trước khi xem xét, giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ hoạt động trong phạm vi toàn quốc, Bộ Nội vụ phối hợp, lấy ý kiến Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam”.

18. Bổ sung khoản 5a Điều 44 như sau:

“5a) Lấy ý kiến của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định này trong việc quản lý hoạt động hợp tác quốc tế, tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế, ký kết thỏa thuận quốc tế của hội theo quy định của pháp luật”.

19. Sửa đổi Điều 47 như sau:

“Điều 47. Trách nhiệm của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch

1. Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về báo chí đối với các cơ quan báo, tạp chí thuộc hội được thành lập theo quy định của pháp luật về báo chí; có ý kiến bằng văn bản về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật lãnh đạo cơ quan báo chí thuộc hội theo quy định của Đảng và Nhà nước.

2. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành pháp luật của các hội trong hoạt động công nhận, xác nhận, vinh danh, suy tôn, phong tặng danh hiệu, cấp chứng nhận, xác lập, xếp hạng và các hình thức tôn vinh, khen thưởng khác; ngăn chặn, xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý các hành vi thực hiện trái quy định của pháp luật, lợi dụng danh nghĩa hội để tổ chức các hoạt động trái pháp luật”.

20. Sửa đổi Điều 48 như sau:

“Điều 48. Trách nhiệm của Bộ Ngoại giao

Chịu trách nhiệm quản lý nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Ngoại giao theo quy định của pháp luật. Chủ trì, phối hợp với Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan ban hành hướng dẫn về công tác quản lý thống nhất các hoạt động đối ngoại của các hội”.

21. Sửa đổi Điều 50 như sau:

“Điều 50. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Quản lý, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về hội và điều lệ hội hoạt động trong phạm vi xã.

2. Kiểm tra hoạt động tài chính, tài sản, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý các vi phạm về tài sản, tài chính, kế toán đối với hội hoạt động trong phạm vi xã.

3. Khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng hội, tổ chức, cá nhân có thành tích theo quy định của pháp luật.

4. Giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm liên quan đến quyết định hành chính và hoạt động công vụ của cán bộ, công chức ở các tổ chức thuộc Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định của pháp luật.

5. Xem xét, quyết định giao nhiệm vụ cho hội hoạt động trong phạm vi xã phù hợp với lĩnh vực hoạt động của hội.

6. Hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về tình hình tổ chức, hoạt động và quản lý hội hoạt động trong phạm vi xã.

7. Cập nhật cơ sở dữ liệu hội theo phân cấp quản lý và phối hợp trong xây dựng, vận hành, quản lý cơ sở dữ liệu về hội hoạt động phạm vi xã.

8. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện thẩm quyền theo quy định tại khoản 4 Điều 15 Nghị định này.

9. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật”.

22. Sửa đổi Phụ lục I danh sách hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ thành Phụ lục I về danh sách các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều lệ.

23. Bãi bỏ, thay thế các quy định sau:

a) Bãi bỏ từ “huyện” tại khoản 5 Điều 21; điểm b khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 4 Điều 32; khoản 3 Điều 34; điểm c khoản 2 Điều 35; khoản 4 Điều 39; khoản 1, 7, 8, 10, 12, 13 và 14 Điều 49 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP.

b) Bãi bỏ cụm từ “, nguyên tắc biểu quyết” tại tên Điều 20; cụm từ “cấp huyện” tại khoản 2, 3 Điều 49 Nghị định số 126/2024/NĐ-CP; bãi bỏ cụm từ “cơ quan kế hoạch và đầu tư” tại điểm a, điểm c khoản 1 Điều 27 và bãi bỏ cụm từ “thanh tra” tại khoản 6 Điều 43, khoản 7 Điều 44.

c) Bãi bỏ khoản 3 Điều 4; điểm d khoản 6 Điều 10; điểm g khoản 2 Điều 30; khoản 5 Điều 42; khoản 9 Điều 43.

d) Thay thế từ “huyện” bằng từ “xã” tại khoản 5 Điều 42; khoản 11 Điều 49; thay thế cụm từ “cấp có thẩm quyền” thành “Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” tại khoản 3 Điều 22; thay thế cụm từ “Bộ Kế hoạch và Đầu tư” thành “Bộ Tài chính” tại điểm a khoản 1 Điều 27; thay thế cụm từ “thay thế cụm từ “báo cáo cấp có thẩm quyền cho ý kiến” thành “lấy ý kiến Mặt trận Tổ quốc Việt Nam” tại khoản 7 Điều 33, khoản 7 Điều 35.

Điều 2. Điều khoản chuyển tiếp

1. Hồ sơ về giải quyết các thủ tục về hội trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

2. Đối với quy trình giao nhiệm vụ của các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đã được cấp có thẩm quyền giao trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 126/2024/NĐ-CP ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội.

3. Kinh phí chi trả thù lao cho các người đã nghỉ hưu giữ chức danh chủ tịch, phó chủ tịch chuyên trách hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ thì tiếp tục thực hiện đến hết năm 2026. Kinh phí chi trả thù lao cho các đối tượng quy định tại khoản 15 Điều 1 Nghị định này được lấy từ nguồn ngân sách nhà nước hỗ trợ cho hội từ năm 2027 trở đi.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng năm 2026.

2. Bãi bỏ Điều 54, Điều 55, Điều 56, Điều 57 Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.

3. Bãi bỏ Quyết định số 30/2011/QĐ-TTg ngày 01/6/2011 của Thủ tướng Chính phủ về chế độ thù lao đối với người đã nghỉ hưu giữ chức danh lãnh đạo chuyên trách tại các hội.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV.

TM. CHÍNH PHỦ

